

CHUYÊN ĐỀ 11: SỰ HÒA HỢP GIỮA CHỦ NGỮ VÀ ĐỘNG TỪ

A. RULES

Quy tắc chung: Khi danh từ số ít hoặc danh từ không đếm được thì động từ chia ở dạng số ít. Khi danh từ số nhiều thì động từ chia ở dạng số nhiều.

Ngoài ra, có thêm một số quy tắc sau:

Quy tắc 1: Khi hai danh từ nối nhau bằng chữ "**and**" thì động từ chia **số nhiều**.

Ví dụ:

- My sister and I like listening to classical music.

TRỪ các trường hợp sau thì lại dùng số ít:

* Khi chúng cùng chỉ một người, một bộ phận, hoặc một món ăn:

Ví dụ:

- The professor and the secretary are on business, (ông giáo sư và người thư kí là hai người khác nhau.)

- The professor and secretary is on business, (ông giáo sư kiêm thư kí là một người.)

- Salt and pepper is..... (muối tiêu - xem như một món muối tiêu.)

- Bread and meat is.....(bánh mì thịt - xem như một món bánh mì thịt.)

* **Phép cộng thì dùng số ít:**

- Two and three is five. ($2 + 3 = 5$).

Quy tắc 2: Sau "**Each, Every, Many a....**" + **V (số ít)**

Ví dụ:

- Each person is allowed 20kg luggage.

- Every student is told about the changes of the timetable.

- Many a politician has promised to make changes.

Quy tắc 3: Sau "**To infinitive/Ving**" + **V (số ít)**

Ví dụ:

- To jog / Jogging every day is good for your health.

Quy tắc 4: Mệnh đề danh từ + **V (số ít)**

Ví dụ:

- What you have said is not true.

- That tree lose their leaves is a sign of winter.

Quy tắc 5: Tựa đề + **V (số ít)**

Ví dụ: "Tom and Jerry" is my son's favorite cartoon.

Quy tắc 6: Danh từ kết thúc là "**s**" nhưng dùng **số ít**

* **Danh từ tên môn học:**

Physics (Vật lí), Mathematics (Toán), Economics (Kinh tế học), Linguistics (Ngôn ngữ học), Politics (Chính trị học), Genetics (Di truyền học), Phonetics (Ngữ âm học)....

* **Danh từ tên môn thể thao:**

Athletics (Điền kinh), Billiards (Bi-da), Checkers (Cờ đam), Darts (Phóng lao trong nhà), Dominoes (Đô mi nô)...

* **Danh từ tên các căn bệnh:** Measles (sởi), Mumps (quai bị), Diabetes (tiểu đường), Rabies (bệnh dại), Shingles (bệnh lở mồm), Rickets (còi xương)....

* **Cụm danh từ chỉ kích thước, đo lường:** Two pounds is.... (2 cân)

* **Cụm danh từ chỉ khoảng cách:** Ten miles is.....(10 dặm)

* **Cụm danh từ chỉ thời gian:** Ten years is ... (10 năm)

* **Cụm danh từ chỉ số tiền:** Ten dollars is.....(10 đô la)

* **Cụm danh từ chỉ tên một số quốc gia, thành phố:** The United States (Nước Mỹ), the Philippines (nước Phi-lip-pin), Wales, Marseilles, Brussels, Athens, Paris....

Quy tắc 7: Danh từ không kết thúc bằng "s" nhưng dùng số nhiều

Ví dụ:

People (người), cattle (gia súc), police (cảnh sát), army (quân đội), children (trẻ em), women (phụ nữ), men (đàn ông), teeth (răng), feet (chân), mice (chuột)...

Quy tắc 8: The + adj = N (chỉ người) + V (số nhiều)

Ví dụ:

- The blind are the people who can't see anything.

Quy tắc 9: Hai danh từ nối nhau bằng cấu trúc: "either ... or, neither... nor, not only.....but aslo" thì động từ chia theo chủ ngữ gần nó nhất.

Ví dụ:

- Neither she nor her children were inherited from the will.

- Either they or their son is not allowed to come in.

- Not only she but also her friends are going to the cinema.

Quy tắc 10: Các danh từ nối nhau bằng: as well as, with, together with, along with, accompanied by thì chia động từ theo danh từ phía trước.

Ví dụ:

- She as well as I is going to university this year. (Chia theo "she")

- Mrs. Smith together with her sons is away for holiday. (Chia theo "Mrs. Smith")

Quy tắc 11: Hai danh từ nối nhau bằng "of"

* Hai danh từ nối với nhau bằng "of" thì chia theo danh từ phía trước nhưng nếu danh từ phía trước of có "some, all, most, majority, enough, minority, half, phân số, phần trăm".... thì lại phải chia theo danh từ phía sau.

Ví dụ:

- The study of how living things work is called philosophy. (Chia theo "study")

- Some of the students are late for class. (Nhìn trước chữ "of" gặp "some" nên chia theo chữ phía sau là students)

- Most of the water is polluted, (phía trước là most nên chia theo danh từ chính đứng sau là water)

*** Lưu ý:**

Nếu các từ trên đứng một mình thì phải suy nghĩ xem nó là đại diện cho danh từ nào, nếu danh từ đó đếm được thì dùng số nhiều, ngược lại dùng số ít.

Ví dụ:

- The majority think that... (đa số nghĩ rằng...): ta suy ra rằng để "suy nghĩ" được phải là danh từ đếm được (người) = dùng số nhiều.

Quy tắc 12: "A number" và The number"

* A number of + N (số nhiều) + V (số nhiều)

* The number of + N (số nhiều) + V (số ít)

Ví dụ:

- A number of students are going to the class picnic.

(Rất nhiều sinh viên sẽ đi picnic cùng lớp.)

- The number of days in a week is seven.

(Số lượng ngày trong tuần là 7.)

Quy tắc 13: Một số danh từ chỉ tập hợp

Bao gồm các từ như: "family, staff, team, group, congress, crowd, committee ..."

Nếu chỉ về hành động của từng thành viên thì dùng động từ số nhiều, nếu chỉ về tính chất của tập thể đó như một đơn vị thì dùng động từ số ít

Ví dụ:

- The family are having breakfast. (Ý nói từng thành viên trong gia đình đang ăn sáng).
- The family is very conservative. (Chỉ tính chất của tập thể gia đình đó như là một đơn vị).

Quy tắc 14: Cấu trúc với "There"

Cấu trúc với "there" thì ta chia động từ chia theo danh từ phía sau:

Ví dụ:

- There is a book on the table. (Chia theo "a book")
- There are two books on the table. (Chia theo "books")

* Chú ý:

There is a book and two pens on the table, (vẫn chia theo "a book")

Quy tắc 15: Đối với mệnh đề quan hệ thì chia động từ theo danh từ trước đại từ quan hệ.

Ví dụ:

One of the girls who go out is very good. (Chia theo "the girls")

Quy tắc 16: Gặp các đại từ sở hữu như: mine, his, hers, yours; ours, theirs thì phải xem cái gì của người đó và nó là số ít hay số nhiều.

Ví dụ:

Give me your scissors. Mine (be) very old.

Ta suy ra là của tôi ở đây ý nói scissors của tôi: số nhiều ⇒ chia động từ ở số nhiều:

Mine are very old.

Quy tắc 17: Những danh từ luôn chia số nhiều

* Một số từ như:

- "pants" (quần dài ở Mỹ, quần lót ở Anh),
- "trousers" (quần),
- "pliers" (cái kìm),
- "scissors" (cái kéo),
- "shears" (cái kéo lớn - dùng cắt lông cừu, tỉa hàng rào),
- "tongs" (cái kẹp)

thì đi với động từ số nhiều.

* Tuy nhiên, khi có từ "A pair of/ Two pairs of..." đi trước các danh từ này, đừng làm chủ từ, thì chia động từ số ít.

Ví dụ:

- The scissors are very sharp. (Cái kéo rất sắc bén.)
- A pair of scissors was left on the table. (Cái kéo được người ta để lại trên bàn.)

Quy tắc 18: Với đại từ bất định thì động từ theo sau chia ở số ít

Đại từ bất định là những từ sau: Some one, any one, no one, every one, something, anything, everything, nothing,...

Ví dụ:

- Everything seems perfect. (Mọi thứ dường như hoàn hảo.)
- Nobody loves me. (Chả có ai yêu tôi cả.)

Quy tắc 19: Với chủ ngữ có "no"

Nếu sau "no" là danh từ số ít thì động từ chia số ít.

Nếu sau "no" là danh từ số nhiều thì động từ chia số nhiều.

Ví dụ:

- No money has been invested for this company for 2 months.

- No lessons were given to us by our teacher this morning.

Quy tắc 20: Cấu trúc đảo ngữ với cụm từ trạng từ chỉ nơi chốn

Khi cụm trạng từ chỉ nơi chốn được đặt lên đầu câu, động từ hoà hợp với (cụm) danh từ đứng sau động từ.

Ví dụ:

On the top of the hill is a temple. (Trên đỉnh của quả đồi có một ngôi đền đặt ở đó).

Quy tắc 21: Sau none of/either of/neither of/one of động từ chia ở dạng số ít

Ví dụ: None of my children has blue eyes.

B. PRACTICE EXERCISES

Exercise 1: Put the verb in brackets into the correct form in each of the following sentences.

Question 1: The United States _____ (lie) between Canada and Mexico.

Question 2: Three years _____ (be) a long time to wait.

Question 3: The old man with his dog _____ (pass) my house every morning

Question 4: Mr. Thomas as well as his assistants _____ (arrive) here since yesterday.

Question 5: That you win a good place at a prestigious university _____ (be) very admirable.

Question 6: Neither her mother nor her father _____ (want) her to be a teacher.

Question 7: Eight kilos of gold _____ (steal) from the bank yesterday.

Question 8: The number of employees who _____ (not finish) their work yet _____ (have) to work on the weekend.

Question 9: The levels of intoxication _____ (vary) from subject to subject.

Question 10: The money that _____ (spend) on education every year is not enough.

Question 11: Two weeks _____ (go) fast when you are on vacation.

Question 12: That you enjoy the food I cook _____ (encourage) me a lot.

Question 13: Measles _____ (be) cured without much difficulty nowadays.

Question 14: A number of children _____ (sleep) in the bedroom now.

Question 15: My mother and my father _____ (live) happily since they got married.

Question 16: Many a student _____ (want) to study all day at school.

Question 17: Nowadays many students _____ (like) playing games.

Question 18: Mathematics _____ (be) considered as a difficult subject by many students.

Question 19: Tom, together with his friends, _____ (want) to join the football team.

Question 20: The teacher as well as her students _____ (disagree) with the new rule.

Question 21: Most of the food _____ (prepare) by Jane's mother.

Question 22: Most of the students in class _____ (get) high scores in the test.

Question 23: Our team _____ (be) the best. It has a good chance of winning.

Question 24: There _____ (be) a van and two cars in the parking area.

Question 25: Each package that is not properly wrapped _____ (have) to be returned to the sender.

Question 26: Not only my younger sister but also my friends _____ (come) to my university.

Question 27: Tom and Jerry _____ (be) very well known all over the world.

Question 28: Both Jane and Laura _____ (cook) for their dinner party at this time yesterday.

Question 29: After the accident, the injured _____ (take) to hospital yesterday.

Question 30: Either you or I _____ (be) right.

Exercise 2: Mark the letter A, B, C or D to indicate the underlined part that needs correction in each of the following questions.

Question 1: Living expenses in this country, as well as in many others, are at an

A

B

C

all-time high.

D

Question 2: The effects of cigarette smoking has been proven to be extremely harmful.

A

B

C

D

Question 3: It is impossible to believe that somebody actually admire that man.

A

B

C

D

Question 4: Every Elementary School teacher have to take a training course.

A

B

C

D

Question 5: John, along with twenty friends, are celebrating a party.

A

B

C

D

Question 6: Linguistics bring us to further understanding of cultures, societies

A

B

C

D

and civilizations.

Question 7: English is one of the most popular language in the world.

A

B

C

D

Question 8: It is disconcerting to believe that every possible candidate have been

A

B

C

rejected for one reason or another.

D

Question 9: We believe that some of the employees is going to be promoted to the

A

B

C

D

higher position.

Question 10: The decision regarding the merger of the two companies were announced

A

B

C

to the public yesterday.

D

Question 11: The interrogation, conducted by the police officers, have lasted for

A

B

C

D

several hours.

Question 12: Success in business requiring certain strategies that satisfy both the

A

B

C

employer and the employees

D

Question 13: Either Pete or John are helping today with stage decorations.

A

B

C

D

Question 14: The state of Michigan have endowed three institutes to do research for

A

B

C

D

industry.

Question 15: Everyone on the board of directors agree with the planned merger.

A

B

C

D

Question 16: The manager and accountant have been on business for a week.

A

B

C

D

Question 17: The number of corrections made during the first stage have influenced the charges significantly.

A

B

C

D

Question 18: All of the students in the class taught by Professor Roberts is required to turn in their term papers next Monday.

A

B

C

D

Question 19: None of the boys in this class are good at English.

A

B

C

D

Question 20: Not only the painting method but also the colors has aroused the interest of art critics.

A

B

C

D

Question 21: The singer and composer are performing tonight.

A

B

C

D

Question 22: Every staff member require to be trained in security procedures to ensure the safety of customer's private information

A

B

C

D

Question 23: The students hasn't done their homework yet.

A

B

C

D

Question 24: The furniture were more expensive than we had thought.

A

B

C

D

Question 25: Studying a foreign language often lead students to learn about the culture of the countries where it is spoken.

A

B

C

D

Question 26: Everybody who have a fever must go home at once.

A

B

C

D

Question 27: The president felt that no one were better suited for the position of chief staff advisor.

A

B

C

D

Question 28: Our website has a page that answer frequently asked questions by its users.

A

B

C

D

Question 29: There are a 25% discount on all electrical goods until the end of the week.

A

B

C

D

Question 30: Being a banker were one of my dreams when I was a child.

A

B

C

D

Exercise 3: Choose the best word or phrase to complete in the following questions.

Question 1: A large number of students in Chu Van An high school _____ English fluently.

A. speaks

B. is speaking

C. has spoken

D. speak

Question 2: Five billion dollars _____ not enough to aid the victims of the earthquake.

A. was

B. were

C. is

D. are

Question 3: A series of lectures _____ being presented at the Central Hall this week.

A. are

B. will be

C. has become

D. is

Question 4: Beauty as well as health _____ failed her this term.

A. has

B. have

C. is

D. are

Question 5: Two years in a strange country _____ like a long time for lonely people.

A. is appearing

B. has appeared

C. appears

D. appeared

Question 6: Peter, with his two buddies, _____ the cherry tree now.

A. has split

B. have split

C. is splitting

D. are splitting

Question 7: Bread and butter _____ what Jane asks for.

A. is

B. are

C. will be

D. have been

Question 8: If anyone _____, tell them I will call when I come back.

A. was calling

B. called

C. call

D. calls

Question 9: The film "Titanic" _____ very interesting and romantic.

A. is

B. are

C. was

D. were

Question 10: Mathematics _____ my favorite subject.

A. is

B. are

C. has been

D. have been

Question 11: Neither the parents nor the children _____ aware of the danger.

A. were

B. was

C. are

D. has been

Question 12: The Browns _____ in New York since they migrated to America in 2000.

A. are living

B. have lived

C. have been living

D. has been living

Question 13: Each of the boys in my class _____ the football team.

A. joins

B. have joined

C. are joining

D. join

Question 14: Neither of the restaurants we went to _____ expensive.

A. have been

B. are

C. was

D. were

Question 15: Neither Mary nor her brothers _____ a consent form for tomorrow's field trip.

A. need

B. needs

C. is needing

D. has needed

Question 16: Here _____ notebook and report that I promised you last week.

A. is the

B. are the

C. was the

D. were the

Question 17: Mr. John, accompanied by several members of the committee, _____ proposed some changes of the rules.

A. have

B. has

C. are

D. is

Question 18: Advertisements on YouTube _____ becoming more competitive than ever before.

A. has

B. have

C. are

D. is

Question 19: A number of sheep _____ died of a strange illness.

A. have

B. has

C. is

D. are

Question 20: Half of the letters she sent him _____ in purple ink.

- A. wrote B. has written C. was written D. were written

Question 21: Either Laura or her husband _____ breakfast each morning.

- A. make B. is making C. makes D. made

Question 22: The army _____ eliminated this section of the training test.

- A. has B. is having C. are D. have

Question 23: What he told you _____ to be of no importance.

- A. seems B. seem C. must seem D. have seemed

Question 24: Psychologists have found that the number of social contacts we have _____ only reason for loneliness.

- A. are not the B. is not the C. are not an D. is not an

Question 25: The flock of birds _____ circling overhead.

- A. gets B. are C. is D. get

Question 26: The use of credit cards in place of cash _____ increased rapidly in recently years.

- A. have been B. has been C. has D. have

Question 27: The fact that the new staff members were complimented on their achievement _____ known to the whole company.

- A. has B. have C. was D. are

Question 28: If nobody _____ bought that car from the dealer, then you should return and make another offer.

- A. have B. will have C. had D. has

Question 29: Massachusetts and Connecticut _____ located in New England.

- A. was B. were C. is D. are

Question 30: Everything _____ bright and clean.

- A. looking B. to look C. looks D. is looking

Question 31: Much homework _____ given to students every day.

- A. are B. is C. were D. was

Question 32: The facilities at the new research library, including an excellent microfilm file, _____ wonderful.

- A. are B. is C. has been D. was

Question 33: The police _____ making enquiries about the murder.

- A. are B. is C. was D. be

Question 34: To do such a hard work _____ so many people.

- A. need B. needing C. to need D. needs

Question 35: The methods for studying the world _____ been developed slowly through the work of many people.

- A. have B. having C. has D. to have

Question 36: The regulations governing animal research _____ many provisions to safeguard animal welfare.

- A. contains B. contain

C. have been contained D. is containing

Question 37: Thanks to the recent anti-smoking campaign, the number of smokers in the country _____.

- A. has reduced B. reduce C. to reduce D. having reduced

Question 38: Each of the 4 types of human _____ suited for a specific purpose.

- A. tooth are B. teeth is C. tooth is D. teeth are

Question 39: There _____ shops on either side of the street many years ago.

- A. were B. was C. is D. are

Question 40: Neither of my parents _____ my boyfriend.

- A. like B. likes C. liked D. has liked

Question 41: The teams _____ ends at half-time so that neither side has an unfair advantage.

- A. has changed B. change C. changes D. had changed

Question 42: Physics _____ my favorite subject when I was at high school.

- A. is B. are C. was D. were

Question 43: The unemployed _____ to live on the unemployment benefits.

- A. has B. have C. had D. are

Question 44: Why he was absent from the class yesterday _____ unknown.

- A. is B. are C. have been D. were

Question 45: "I'm poor! Nobody _____ me." "I know a person who _____ you. It's me."

- A. love/likes B. loves/like C. loves/likes D. love/ like

Question 46: The furniture he has in his bedroom _____ a bed and a table.

- A. is B. are C. has been D. have been

Question 47: Learning English to find a better job _____ my aim in the next time.

- A. is B. are C. will be D. has been

Question 48: Can I borrow your dictionary for a moment? Mine _____

- A. have been left B. has been left C. was left D. were left

Question 49: According to the announcement, only 30% of the applicants selected for the next interview.

- A. are B. is C. was D. has been

Question 50: The development of popular music through the ages _____ by the documentary.

- A. was traced B. were traced C. have been traced D. are traced

Question 51: Romeo and Juliet _____ a tragedy written by William Shakespeare.

- A. are B. was C. were D. is

KEY:

Exercise 1

Question 1: The United States _____ (lie) between Canada and Mexico.

Đáp án: lies

Chủ ngữ "The United States" (nước Mỹ) là danh từ đặc biệt chỉ tên quốc gia nên động từ chia số ít.

Dịch nghĩa: Mỹ nằm giữa Canada và Mexico.

Question 2: Three years _____ (be) a long time to wait.

Đáp án: is

Chủ ngữ "Three years" là đại lượng chỉ thời gian (ở dạng số nhiều) nhưng động từ chia số ít.

Dịch nghĩa: Ba năm là khoảng thời gian quá dài để chờ đợi.

Question 3: The old man with his dog _____ (pass) my house every morning

Đáp án: passes

- Trong câu hai danh từ nối với nhau bằng "with" thì động từ chia theo chủ ngữ đầu tiên.

Chủ ngữ một là “The old man” nên động từ chia số ít.

- “Every morning” là dấu hiệu của thì hiện tại đơn.

Dịch nghĩa: Người đàn ông già với con chó của ông ta đi ngang qua nhà tôi sáng nay.

Question 4: Mr. Thomas as well as his assistants _____ (arrive) here since yesterday.

Đáp án: has arrived

Giải thích:

- Trong câu hai danh từ nối với nhau bằng “as well as” thì động từ chia theo chủ ngữ đầu tiên.

- Chủ ngữ một là “Mr. Thomas” nên động từ chia số ít.

- Since yesterday là dấu hiệu của thì hiện tại hoàn thành.

Dịch nghĩa: Ông Thomas cùng với những người trợ lý của mình đã đến đây từ hôm qua.

Question 5: That you win a good place at a prestigious university _____ (be) very admirable.

Đáp án: is

Trong câu chủ ngữ là một mệnh đề danh từ nên động từ chia số ít.

Dịch nghĩa: Việc bạn đỗ vào một trường đại học danh giá thì rất đáng ngưỡng mộ.

Question 6: Neither her mother nor her father _____ (want) her to be a teacher.

Đáp án: want => wants

Trong câu có hai danh từ nối với nhau bằng cấu trúc “neither ... nor” nên động từ chia theo chủ ngữ hai.

Chủ ngữ hai là “her father” nên động từ chia số ít.

Dịch nghĩa: Cả mẹ lẫn bố của cô ấy đều không muốn cô ấy trở thành một giáo viên.

Question 7: Eight kilos of gold _____ (steal) from the bank yesterday.

Đáp án: was stolen

Trong câu chủ ngữ là đại lượng đo lường nên động từ chia số ít.

“Yesterday” là dấu hiệu của thì quá khứ đơn. Chủ ngữ chỉ vật nên động từ chia ở dạng bị động.

Dịch nghĩa: Ngày hôm qua tám ki-lô-gram vàng đã bị ăn trộm từ ngân hàng.

Question 8: The number of employees who _____ (not finish) their work yet _____ (have) to work on the weekend.

Đáp án: haven't finished – has

Giải thích:

- Căn cứ vào “yet” (dấu hiệu nhận biết của thì hiện tại hoàn thành) và mệnh đề quan hệ thay thế cho danh từ “employees” nên động từ chia ở dạng số nhiều.

=> **Đáp án: not finish => haven't finished**

- Cụm danh từ gồm “the number of” + N (số nhiều) + V (số ít).

=> **Đáp án: have => has**

Dịch nghĩa: Số lượng những người lao động người mà chưa hoàn thành công việc phải làm việc vào cuối tuần.

Question 9: The levels of intoxication _____ (vary) from subject to subject.

Đáp án: vary

Trong câu hai chủ ngữ nối với nhau bằng “of” động từ chia theo chủ ngữ đầu tiên.

Chủ ngữ một “the levels” là danh từ số nhiều nên động từ chia số nhiều.

Dịch nghĩa: Những mức độ của sự nhiễm độc biến đổi từ đối tượng này sang đối tượng khác.

Question 10: The money that _____ (spend) on education every year is not enough.

Đáp án: is spent

Giải thích:

- Trong câu chủ ngữ “the money” là đại lượng chỉ tiền bạc nên động từ chia số ít.
- Đối với mệnh đề quan hệ thì động từ chia theo danh từ trong mệnh đề chính.
- Chủ ngữ chỉ vật nên động từ chia ở dạng bị động.
- Căn cứ vào trạng từ chỉ thời gian “every year” nên chỉ thì hiện tại đơn ở dạng bị động

Dịch nghĩa: Tiền được chi tiêu cho giáo dục hàng năm thì không đủ.

Question 11: Two weeks _____ (go) fast when you are on vacation.

Đáp án: goes

Trong câu chủ ngữ “two weeks” là đại lượng chỉ thời gian nên động từ chia số ở dạng số ít.

Dịch nghĩa: Hai tuần trôi qua nhanh khi bạn ở trong kì nghỉ.

Question 12: That you enjoy the food I cook _____ (encourage) me a lot.

Đáp án: encourages

Trong câu chủ ngữ là một mệnh đề danh từ nên động từ chia số ít.

Dịch nghĩa: Việc mà bạn thường thức đồ ăn tôi nấu khích lệ tôi rất nhiều.

Question 13: Measles _____ (be) cured without much difficulty nowadays.

Đáp án: is

Trong câu chủ ngữ là “measles” là danh từ đặc biệt chỉ tên bệnh (ở dạng số nhiều) nhưng động từ chia theo số ít.

Dịch nghĩa: Ngày nay bệnh sởi được chữa trị mà không có nhiều khó khăn.

Question 14: A number of children _____ (sleep) in the bedroom now.

Đáp án: are sleeping

Cụm danh từ gồm “A number of” + N (số nhiều) thì V (số nhiều).

“Now” là dấu hiệu của thì hiện tại tiếp diễn.

Dịch nghĩa: Bây giờ một vài đứa trẻ đang ngủ trong phòng.

Question 15: My mother and my father _____ (live) happily since they got married.

Đáp án: have lived

Trong câu hai danh từ nối với nhau bằng “and” nên động từ số nhiều.

Cấu trúc: S + V (hiện tại hoàn thành) since S + V (quá khứ đơn).

Dịch nghĩa: Bố tôi và mẹ tôi đã sống hạnh phúc từ khi họ kết hôn.

Question 16: Many a student _____ (want) to study all day at school.

Đáp án: want => wants

Many + a + N (số ít) thì động từ chia số ít.

Dịch nghĩa: Nhiều học sinh muốn học cả ngày ở trường.

***Note:** Many a + N(số ít) + V(số ít) = Many + N(số nhiều) + V(số nhiều): nhiều, rất nhiều

=> “many a” là một dạng thức dùng để đi được với danh từ số ít và mang văn phong trang trọng hơn mặc dù nghĩa nó không khác gì “many”.

Question 17: Nowadays many students _____ (like) playing games.

Đáp án: like

Many + N (số nhiều) nên động từ chia ở dạng số nhiều.

Dịch nghĩa: Ngày nay nhiều học sinh thích chơi game.

Question 18: Mathematics _____ (be) considered as a difficult subject by many students.

Đáp án: is

Chủ ngữ là “**mathematics**” là danh từ chỉ tên môn học (mặc dù tận cùng là -s) nhưng động từ chia số ít.

Dịch nghĩa: Toán học được xem như là một môn học khó với nhiều học sinh.

Question 19: Tom, together with his friends, _____ (want) to join the football team.

Đáp án: want => wants

Trong câu hai danh từ nối với nhau bằng “together with” nên động từ chia theo chủ ngữ đầu tiên.

Chủ ngữ một là “Tom” nên động từ chia số ít.

Dịch nghĩa: Tom cùng với những người bạn của anh ấy muốn tham gia vào đội bóng đá.

Question 20: The teacher as well as her students _____ (disagree) with the new rule.

Đáp án: disagrees

Trong câu hai danh từ nối với nhau bằng “as well as” nên động từ chia theo chủ ngữ đầu tiên.

Chủ ngữ một là “the teacher” nên động từ chia theo số ít.

Dịch nghĩa: Giáo viên cũng như những học sinh của cô ấy không đồng ý với quy tắc mới đó.

Question 21: Most of the food _____ (prepare) by Jane's mother.

Đáp án: is/was prepared

Most of + N (số ít) + V (động từ số ít).

Chủ ngữ là danh từ chỉ vật nên động từ chia ở dạng bị động.

Dịch nghĩa: Hầu hết đồ ăn được chuẩn bị bởi mẹ của Jane.

Question 22: Most of the students in class _____ (get) high scores in the test.

Đáp án: get

Ta có: Most of + N (số nhiều) + V (số nhiều).

Dịch nghĩa: Hầu hết những học sinh ở trong lớp đều được điểm số cao ở trong bài kiểm tra.

Question 23: Our team _____ (be) the best. It has a good chance of winning.

Đáp án: is

Trong câu “our team” là danh từ tập hợp. Người nói muốn nhấn mạnh “đội bóng”.

Danh từ tập hợp đi với động từ số ít nếu người nói muốn xem tập hợp này như một tổng thể hay một đơn vị duy nhất.

Dịch nghĩa: Đội chúng tôi là đội hay nhất. Đội chúng tôi có cơ hội thắng trận.

Question 24: There _____ (be) a van and two cars in the parking area.

Đáp án: is

Cấu trúc với “there” ta chia theo danh từ gần nhất với nó.

Danh từ phía sau là “a van and two cars” nên ta chia theo danh từ trước “and” nên động từ chia số ít.

Theo công thức: “**There + V(chia theo N1) + N1 and N2: có cái gì và cái gì**”

Dịch nghĩa: Có một chiếc xe tải và hai xe ô tô ở bãi đỗ xe.

Question 25: Each package that is not properly wrapped _____ (have) to be returned to the sender.

Đáp án: has

- Trong câu chủ ngữ là đại từ bất định “each” nên động từ chia số ít.
- Vì chủ ngữ chính ở đây là “each package”, mệnh đề “that is not properly wrapped” là mệnh đề quan hệ nên còn thiếu động từ chính của câu

Dịch nghĩa: Mỗi bưu kiện mà không được gói một cách phù hợp phải trả lại người gửi.

Question 26: Not only my younger sister but also my friends _____ (come) to my university.

Đáp án: come

Trong câu hai danh từ nối với nhau bằng cấu trúc “**not only ... but also**” thì động từ chia theo chủ ngữ hai.

Chủ ngữ hai là “my friends” nên động từ chia theo số nhiều.

Dịch nghĩa: Không chỉ em gái tôi mà những người bạn của tôi cũng đi đến trường đại học của tôi.

Question 27: “Tom and Jerry” _____ (be) very well known all over the world.

Đáp án: is

Trong câu chủ ngữ là “Tom and Jerry” là tựa đề của một bộ phim nên động từ chia theo số ít.

Dịch nghĩa: “Tom and Jerry” thì rất nổi tiếng trên thế giới.

Question 28: Both Jane and Laura _____ (cook) for their dinner party at this time yesterday.

Đáp án: were cooking

Trong câu hai danh từ nối với nhau bằng cấu trúc “**both ... and**” nên động từ số nhiều.

“At this time yesterday” là dấu hiệu của thì quá khứ tiếp diễn.

Dịch nghĩa: Vào thời điểm này tối qua, Jane và Laura đang nấu ăn cho gia đình của họ.

Question 29: After the accident, the injured _____ (take) to hospital yesterday.

Đáp án: were taken

Giải thích:

- Ta có quy tắc: **the + adj => N(chỉ người ở dạng số nhiều)**
- Trong câu chủ ngữ là “**the injured** - những người bị thương” nên động từ chia số nhiều
- Những người bị thương không tự họ đến bệnh viện được nên ta dùng động từ ở dạng bị động.

Dịch nghĩa: Sau vụ tai nạn, các nạn nhân đã được đưa đến bệnh viện.

Question 30: Either you or I _____ (be) right.

Đáp án: am

Dịch nghĩa: Hoặc bạn đúng hoặc tôi đúng.

Giải thích:

Either + S1 + or + S2 + V(chia theo chủ ngữ 2)

Exercise 2

ĐÁP ÁN

<u>1.C</u>	<u>2.C</u>	<u>3.D</u>	<u>4.C</u>	<u>5.C</u>	<u>6.A</u>	<u>7.C</u>	<u>8.C</u>	<u>9.C</u>	<u>10.C</u>
<u>11.D</u>	<u>12.A</u>	<u>13.B</u>	<u>14.B</u>	<u>15.C</u>	<u>16.C</u>	<u>17.A</u>	<u>18.C</u>	<u>19.C</u>	<u>20.C</u>
<u>21.C</u>	<u>22.A</u>	<u>23.B</u>	<u>24.B</u>	<u>25.B</u>	<u>26.B</u>	<u>27.C</u>	<u>28.C</u>	<u>29.A</u>	<u>30.B</u>

Question 1: Living expenses in this country, as well as in many others, is at an all-time high.

- A. Living B. as well as C. is D. all-time

Đáp án C

Trong câu hai danh từ nối với nhau bằng “**as well as**” nên động từ chia theo chủ ngữ thứ nhất. Chủ ngữ một “**Living expenses**” là danh từ số nhiều nên động từ phải chia ở dạng số nhiều (**is => are**)

Dịch nghĩa: Chi phí sinh hoạt ở vùng này cũng như nhiều nơi khác ở mức cao chưa từng thấy.

Question 2: The effects of cigarette smoking has been proven to be extremely harmful.

- A. The B. cigarette smoking C. has D. extremely

Đáp án C

Đáp án: has => have

Giải thích:

- Trong câu hai danh từ nối với nhau bằng “**of**” thì động từ chia theo chủ ngữ thứ nhất.
- Chủ ngữ một là “**the effects**” nên động từ chia số nhiều.

Dịch nghĩa: Những ảnh hưởng của việc hút thuốc lá đã được chứng minh cực kỳ có hại.

Question 3: It is impossible to believe that somebody actually admire that man.

- A. impossible B. believe C. actually D. admire

Đáp án D

admire => admires

Khi chủ ngữ là đại từ bất định như: someone, anyone,... thì động từ chia số ít.

Trong câu chủ ngữ là “somebody”.

Dịch nghĩa: Không thể tin rằng mọi người thực sự ngưỡng mộ người đàn ông đó.

Question 4: Every Elementary School teacher have to take a training course.

- A. Every B. Elementary C. have to D. a

Đáp án C

have => has to

Khi chủ ngữ bắt đầu bằng “every” thì động từ chia số ít.

Chủ ngữ của câu “Every Elementary School teacher”.

Dịch nghĩa: Mỗi giáo viên ở trường tiểu học phải tham gia một khóa học đào tạo.

Question 5: John, along with twenty friends, are celebrating a party.

- A. along with B. friends C. are D. a party

Đáp án C

Đáp án: C (are => is)

Trong câu hai danh từ nối với nhau bằng “along with” thì động từ chia theo chủ ngữ thứ nhất.

Chủ ngữ một là “John” nên động từ chia số ít.

Dịch nghĩa: John cùng với 20 người bạn của anh ấy đang tổ chức một bữa tiệc.

Question 6: Linguistics bring us to further understanding of cultures, societies and civilizations.

- A. bring B. further C. of D. societies

Đáp án A

bring => brings

Chủ ngữ là “Linguistics” là danh từ đặc biệt chỉ tên môn học (ở dạng số nhiều) nhưng động từ chia số ít.

Dịch nghĩa: Ngôn ngữ học mang đến cho chúng ta nhiều hơn hiểu biết về văn hóa, xã hội và những nền văn minh.

Question 7: English is one of the most popular language in the world.

- A. is B. most C. language D. the

Đáp án C

language => languages

Ta có “one of + Danh từ số nhiều”: một trong những.

Dịch nghĩa: Tiếng anh là một trong những ngôn ngữ phổ biến nhất trên thế giới.

Question 8: It is disconcerting to believe that every possible candidate have been rejected for one reason or another.

- A. disconcerting B. possible C. have D. one

Đáp án C

have => has

- Khi chủ ngữ bắt đầu bằng “every” thì động từ chia số ít.

- Chủ ngữ của câu “every possible candidate”.

- Dịch nghĩa: Thật bối rối để tin rằng mỗi ứng viên có thể đã bị từ chối vì lí do này hoặc lí do khác.

Question 9: We believe that some of the employees is going to be promoted to the higher position.

- A. believe B. some of C. is going to D. to

Đáp án C

is going to => are going to

- Căn cứ: Some of + N (số nhiều) + V (động từ số nhiều).

- **Dịch nghĩa:** Chúng tôi tin rằng một vài công nhân sẽ có cơ hội thăng tiến.

Question 10: The decision regarding the merger of the two companies were announced to the public yesterday.

- A. regarding B. companies C. were announced D. public

Đáp án C

Đáp án: were announced => was announced

Giải thích:

Chủ ngữ là **decision** ở dạng số ít nên động từ chia số ít. Phần “regardingcompanies” là phần mệnh đề quan hệ đã được rút gọn bỏ nghĩa cho “decision” nên không tham gia vào thành phần để chia thì của câu.

Dịch nghĩa: Quyết định xem xét việc sát nhập hai công ty đã được thông báo công khai ngày hôm qua.

Question 11: The interrogation, conducted by the police officers, have lasted for several hours.

- A. interrogation B. conducted by C. officers D. have

Đáp án D

Đáp án: have => has

- Trong mệnh đề quan hệ, động từ chia theo danh từ ở mệnh đề chính.

- Chủ ngữ ở mệnh đề chính là “**The interrogation**” nên động từ chia số ít.

Dịch nghĩa: Cuộc thẩm vấn được tiến hành bởi các sĩ quan cảnh sát đã kéo dài vài giờ đồng hồ.

Question 12: Success in business requiring certain strategies that satisfy both the employer and the employees

- A. requiring B. strategies C. both D. employees

Đáp án A

Phân tích câu:

- Success in business là thành phần chủ ngữ của câu
- Requiring là động từ chính của câu => phải chia theo thì của câu

(requiring => requires)

Dịch nghĩa: Sự thành công trong kinh doanh yêu cầu những chiến lược nhất định đáp ứng cả người chủ và người làm thuê.

Question 13: Either Pete or John are helping today with stage decorations.

- A. Either B. are helping C. with D. decorations

Đáp án B

are => is

Trong câu hai danh từ nối nhau bằng cấu trúc “either ... or” thì động từ phải chia theo chủ ngữ hai. Chủ ngữ hai là “John” nên động từ chia số ít.

Dịch nghĩa: Hoặc là Peter hoặc là John đang trang trí những sân khấu.

Question 14: The state of Michigan have endowed three institutes to do research for industry.

- A. The B. have endowed C. to do D. for

Đáp án B

Dịch: Bang Michigan đã cấp vốn cho ba viện tiến hành nghiên cứu phục vụ cho công nghệ.

Ta có:

Chủ ngữ là " The state of Michigan" là danh từ số ít nên động từ chia số ít

=> Đáp án B (have endowed => has endowed)

Question 15: Everyone on the board of directors agree with the planned merger.

- A. Everyone B. directors C. agree D. planned

Đáp án C

agree => agrees

Khi chủ ngữ bắt đầu bằng “each” thì động từ chia số ít.

Chủ ngữ của câu “everyone”.

Dịch nghĩa: Mọi người ở trên ban giám đốc đồng ý với sự liên doanh liên kết có kế hoạch.

Question 16: The manager and accountant have been on business for a week.

- A. The B. and C. have D. on business

Đáp án C

Đáp án C: have => has

Lưu ý: Khi hai danh từ nối với nhau bằng “and” thì động từ chia số nhiều.

Tuy nhiên: Khi cùng chỉ một người nhưng làm hai nhiệm vụ thì động từ chia số ít.

Dịch nghĩa: Quản lý kiêm kế toán đi công tác trong vòng một tuần.

Question 17: The number of corrections made during the first stage have influenced the charges significantly.

- A. The B. corrections C. influenced D. significantly

Đáp án A

Ta có quy tắc:

A number of + N(số nhiều) + V(số nhiều)

The number of + N(số nhiều) + V(số ít)

Nên câu này ta sửa: **The => A**

Dịch nghĩa: Nhiều sự tu sửa trong suốt giai đoạn đầu đã làm tăng chi phí một cách đáng kể.

Question 18: All of the students in the class taught by Professor Roberts is required to turn in their term papers next Monday.

- A. All of B. taught by C. is required D. their

Đáp án C

Ta có quy tắc:

All of + N(số nhiều) + V(số nhiều)

(is required => are required)

Dịch nghĩa: Tất cả những học sinh được dạy bởi giáo sư Robert được yêu cầu gửi giấy theo kì hạn vào thứ hai tới.

Question 19: None of the boys in this class are good at English.

- A. None B. boys C. are D. English

Đáp án C

None + of + danh từ/ đại từ số nhiều/ít thì + V (chia số nhiều/ít).

=> Với “none of” thì danh từ theo sau nó có thể ở dạng số ít/nhiều. Và động từ cũng có thể chia ít hoặc nhiều tương tự. Mặc dù số ít được dùng trong văn phong trang trọng của Anh Anh nhưng nhìn chung cả số ít lẫn nhiều đều chấp nhận được với “none of”.

=> Câu này không có đáp án sai. Sau cùng thì các bạn có thể hiểu và nhớ kiến thức về “none” như trên là được.

Dịch nghĩa: Chẳng có cậu bé nào trong lớp này giỏi tiếng anh.

Question 20: Not only the painting method but also the colors has aroused the interest of art critics.

- A. Not only B. but also C. has aroused D. art critics

Đáp án C

Đáp án: has aroused => have aroused

Trong câu hai danh từ nối với nhau bằng cấu trúc “not only ... but also” thì động từ chia theo chủ ngữ hai.

Chủ ngữ hai là “the colors” nên động từ chia số nhiều.

Dịch: Không chỉ là cách vẽ mà còn là những gam màu, đã khơi dậy hứng thú của các nhà phê bình hội họa.

Question 21: The singer and composer are performing tonight.

- A. The singer B. and C. are D. tonight

Đáp án C

Sửa: are => is

Lưu ý: Khi hai danh từ nối với nhau bằng “and” thì động từ chia số nhiều.

Tuy nhiên: Khi cùng chỉ một người nhưng làm hai nhiệm vụ thì động từ chia số ít.

Dịch nghĩa: Ca sĩ kiêm nhạc sĩ sẽ biểu diễn tối nay.

Question 22: Every staff member require to be trained in security procedures to ensure the safety of customer's private information

- A. require B. security C. safety D. customer's
private

Đáp án A

Sửa lỗi: require => requires

- Khi chủ ngữ bắt đầu bằng “every + N(số ít)” thì động từ chia số ít.

- Chủ ngữ của câu “every staff member”.

Dịch nghĩa: Mỗi cán bộ mới yêu cầu được đào tạo theo thủ tục an toàn để đảm bảo sự an toàn thông tin cá nhân của khách hàng.

Question 23: The students hasn't done their homework yet.

- A. The B. hasn't C. their D. yet

Đáp án B

hasn't => haven't

Chủ ngữ của câu là “the students” nên động từ chia số nhiều.

Dịch nghĩa: Nhiều học sinh chưa hoàn thành bài tập về của mình.

Question 24: The furniture were more expensive than we had thought.

- A. furniture B. were C. expensive D. had thought

Đáp án B

were => was

Trong câu chủ ngữ là “the furniture” là danh từ không đếm được nên động từ chia số ít.

Dịch nghĩa: Đồ nội thất đắt hơn những gì tôi đã nghĩ.

Question 25: Studying a foreign language often lead students to learn about the culture of the countries where it is spoken.

- A. Studying B. lead C. the culture D. where

Đáp án B

*Ta thấy trong câu chủ ngữ là danh động từ nên động từ chia ở dạng số ít của thì hiện tại đơn.

=> Đáp án B (lead => leads)

Dịch nghĩa: Việc học một ngôn ngữ nước ngoài thường dẫn đến việc các học viên nghiên cứu luôn cả văn hóa của các nước nơi mà ngôn ngữ đó được nói.

Question 26: Everybody who have a fever must go home at once.

- A. Everybody B. have C. fever D. at once

Đáp án B

have => has

Trong câu chủ ngữ bắt đầu bằng “everybody” nên động từ chia số ít.

Trong mệnh đề quan hệ, động từ chia theo danh từ ở mệnh đề chính.

Question 27: The president felt that no one were better suited for the position of chief staff advisor.

- A. The B. felt C. were D. position

Đáp án C

were => was

Trong câu chủ ngữ bắt đầu bằng “no one” nên động từ chia số ít.

Dịch nghĩa: Tổng thống cảm thấy rằng không ai phù hợp cho vị trí đứng đầu ban cố vấn.

Question 28: Our website has a page that answer frequently asked questions by its users.

- A. has B. that C. answer D. questions

Đáp án C

Đáp án: answer => answers

Giải thích:

- Trong mệnh đề quan hệ, động từ chia theo danh từ mà đại từ quan hệ thay thế cho
- Đại từ quan hệ "that" thay thế cho danh từ "page" nên động từ chia số ít.

Question 29: There are a 25% discount on all electrical goods until the end of the week.

- A. are B. 25% discount C. electrical goods D. of

Đáp án A

Dịch:

Có giảm giá 25% cho tất cả các mặt hàng điện cho đến cuối tuần.

- Chủ ngữ "a 25% discount" là cụm danh từ số ít nên động từ chia ở số ít

Đáp án: are => is

Question 30: Being a banker were one of my dreams when I was a child.

- A. Being B. were C. dreams D. was

Đáp án B

Đáp án B (were => was)

Trong câu danh động từ đóng vai trò làm chủ ngữ nên động từ chia số ít.

Dịch nghĩa: Trở thành một giám đốc ngân hàng là một trong những ước mơ khi tôi còn là một đứa trẻ.

Exercise 3

ĐÁP ÁN

<u>1.D</u>	<u>2.C</u>	<u>3.D</u>	<u>4.A</u>	<u>5.C</u>	<u>6.C</u>	<u>7.A</u>	<u>8.D</u>	<u>9.A</u>	<u>10.A</u>
<u>11.C</u>	<u>12.C</u>	<u>13.A</u>	<u>14.C</u>	<u>15.A</u>	<u>16.A</u>	<u>17.B</u>	<u>18.C</u>	<u>19.A</u>	<u>20.D</u>
<u>21.C</u>	<u>22.D</u>	<u>23.A</u>	<u>24.B</u>	<u>25.C</u>	<u>26.C</u>	<u>27.C</u>	<u>28.D</u>	<u>29.D</u>	<u>30.C</u>
<u>31.B</u>	<u>32.A</u>	<u>33.A</u>	<u>34.D</u>	<u>35.A</u>	<u>36.B</u>	<u>37.A</u>	<u>38.B</u>	<u>39.A</u>	<u>40.B</u>
<u>41.B</u>	<u>42.C</u>	<u>43.B</u>	<u>44.A</u>	<u>45.C</u>	<u>46.A</u>	<u>47.A</u>	<u>48.B</u>	<u>49.A</u>	<u>50.A</u>
<u>51.D</u>									

Question 1: A large number of students in Chu Van An high school _____ English fluently.

- A. speaks B. is speaking C. has spoken D. speak

Đáp án D

Cụm danh từ "A number of + N (số nhiều)" thì V (chia số nhiều).

=> Dùng "large" trước "number" để bổ nghĩa và nhấn mạnh thêm hàm ý muốn nói là "rất nhiều"

Dịch nghĩa: Những học sinh ở trường cấp ba Chu Văn An nói tiếng anh rất trôi chảy.

Question 2: Five billion dollars _____ not enough to aid the victims of the earthquake.

- A. have been B. were C. is D. are

Đáp án C

Trong câu chủ ngữ là đại lượng chỉ tiền bạc nên động từ chia số ít. Khi chủ ngữ là đại lượng, đơn vị liên quan đến tiền bạc thì ta luôn chia số ít.

Dịch nghĩa: Năm tỷ đô-la thì không đủ để cứu trợ các nạn nhân của trận động đất.

Question 3: A series of lectures _____ being presented at the Central Hall this week.

- A. are B. will be C. has become D. is

Đáp án D

* Giải thích: **A series of + N(số nhiều) + V(số ít).**

* **Dịch nghĩa:** Một chuỗi bài giảng sẽ được trình bày ở trung tâm hội nghị tuần này.

Question 4: Beauty as well as health _____ failed her term.

A. has

B. have

C. is

D. are

Đáp án A

Trong câu hai danh từ nối với nhau bằng “as well as” nên động từ chia theo chủ ngữ thứ nhất.

- Chủ ngữ một là “beauty” nên động từ chia số ít. Do đó ta loại B,D

- Sau động từ “failed” có tân ngữ “her term” nên ta xác định câu này là câu chủ động, không thể chia ở thể bị động

Dịch nghĩa: Sức khỏe cũng như sắc đẹp đã làm nhiệm kì này của cô ấy thất bại.

Question 5: Two years in a strange country _____ like a long time for lonely people.

A. is appearing

B. has appeared

C. appears

D. appeared

Đáp án C

Câu diễn tả một sự thật, một thực tế mà ai cũng thừa nhận như một điều đương nhiên => chia hiện tại đơn

=> Trong câu chủ ngữ là đại lượng chỉ thời gian nên động từ chia số ít.

Dịch nghĩa: Hai năm ở một đất nước xa lạ dường như quá lâu với những người cô đơn.

Question 6: Peter, with his two buddies, _____ the cherry tree now.

A. has split

B. have split

C. is splitting

D. are splitting

Đáp án C

Trong câu khi hai danh từ nối với nhau bằng “with” thì động từ chia theo chủ ngữ thứ nhất.

Chủ ngữ một là “Peter” nên động từ chia số ít.

“Now” là dấu hiệu của thì hiện tại tiếp diễn.

Dịch nghĩa: Bây giờ Peter cùng với hai người bạn thân của anh ấy đang chẻ cây anh đào màu đỏ.

Question 7: Bread and butter _____ what Jane asks for.

A. is

B. are

C. will be

D. have been

Đáp án A

Trong câu hai danh từ nối với nhau bằng “and” nên động từ chia số nhiều. Tuy nhiên nếu hai danh từ nối với nhau bằng “and” mà chỉ cùng một người/một món ăn/một bộ phận thì động từ lại chia số ít.

Dịch nghĩa: Bánh mì bơ là những gì Jane yêu cầu.

Question 8: If anyone _____, tell them I will call when I come back.

A. was calling

B. called

C. call

D. calls

Đáp án D

Khi chủ ngữ là “anyone” thì động từ chia số ít.

Dịch nghĩa: Nếu ai đó gọi, hãy nói họ tôi sẽ gọi khi tôi quay trở lại.

Question 9: The film “Titanic” _____ very interesting and romantic.

A. is

B. are

C. was

D. were

Đáp án A

Khi chủ ngữ là tựa đề của một bộ phim thì động từ chia số ít. Và đó là sự thật hiển nhiên, một đặc điểm, tính chất của sự vật hiện tượng được nhiều người công nhận, nên ta chia hiện tại đơn.

Dịch nghĩa: Bộ phim Titanic thì rất thú vị và lãng mạn.

Question 10: Mathematics _____ my favorite subject.

- A. is B. are C. has been D. have been

Đáp án A

Chủ ngữ là danh từ chỉ tên môn học ở dạng số nhiều nhưng theo quy tắc động chia số ít.

Dịch nghĩa: Toán là môn học yêu thích của tôi.

Question 11: Neither the parents nor the children _____ aware of the danger.

- A. were B. was C. are D. has been

Đáp án C

Dịch nghĩa: Cả bố mẹ và con cái đều không nhận thức được sự nguy hiểm đó.

Cấu trúc:

- Be aware of st: ý thức về cái gì

- Neither + S1 + nor + S2 + V(chia theo chủ ngữ 2). Do đó, ta loại B, D vì “children” là danh từ số nhiều

- Câu này mang ý đưa ra nhận xét nên ta chọn chia ở thì hiện tại đơn

Question 12: The Browns _____ in New York since they migrated to America in 2000.

- A. are living B. have lived C. have been living D. has been living

Đáp án C

Chủ ngữ “the Browns” (gia đình nhà Browns) là danh từ số nhiều.

Cấu trúc: **S + V (hiện tại hoàn thành) since S + V (quá khứ đơn).**

Dịch nghĩa: Gia đình Brown đã sống ở New York từ khi họ di cư đến Mỹ năm 2000.

=> Khi muốn nhấn mạnh quá trình của hành động ta dùng thì hiện tại hoàn thành tiếp diễn thay cho thì hiện tại hoàn thành

Question 13: Each of the boys in my class _____ the football team.

- A. joins B. have joined C. are joining D. join

Đáp án A

Each + of + danh từ/ đại từ số nhiều thì V (chia số ít).

Dịch nghĩa: Mỗi cậu bé trong lớp học của tôi tham gia vào đội bóng đá.

Question 14: Neither of the restaurants we went to _____ expensive.

- A. have been B. are C. was D. were

Đáp án C

Neither + of + danh từ/ đại từ số nhiều + V(số ít)

Dịch nghĩa: Chẳng nhà hàng nào chúng tôi đến là đắt cả.

Question 15: Neither Mary nor her brothers _____ a consent form for tomorrow’s field trip.

- A. need B. needs C. is needing D. has needed

Đáp án A

Giải thích:

Trong câu khi hai chủ ngữ nối với nhau bằng cấu trúc “neither ... nor” thì động từ chia theo chủ ngữ hai.

Chủ ngữ hai là “her brothers” nên động từ chia số nhiều.

Đáp án A

Question 16: Here _____ notebook and report that I promised you last week.

A. is the

B. are the

C. was the

D. were the

Đáp án A

=> Vì: khi **Here** đứng đầu câu thì động từ chia theo chủ ngữ đứng sau là **the notebook and report**. Vì **the notebook and report** là cùng một vật (cuốn sổ ghi chép và báo cáo) nên động từ chia theo số ít.

=> **Dịch:** Đây là cuốn sổ ghi chép và báo cáo mà tôi đã hứa với bạn cuối tuần trước.

Question 17: Mr. John, accompanied by several members of the committee, _____ proposed some changes of the rules.

A. have

B. has

C. are

D. is

Đáp án B

Trong câu khi hai danh từ nối với nhau bằng “accompanied by” thì động từ chia theo chủ ngữ thứ nhất. Chủ ngữ một “Mr. John” nên động từ chia số ít.

Dịch nghĩa: Mr. John cùng với một vài thành viên của hội đồng đã đề xuất một vài thay đổi trong quy định.

Question 18: Advertisements on YouTube _____ becoming more competitive than ever before.

A. has

B. have

C. are

D. is

Đáp án C

Chủ ngữ “advertisements” là danh từ số nhiều nên V (chia số nhiều).

Dịch nghĩa: Những quảng cáo trên YouTube ngày càng trở nên có sức cạnh tranh hơn trước đây.

Question 19: A number of sheep _____ died of a strange illness.

A. have

B. has

C. is

D. are

Đáp án A

Giải thích:

- Cụm danh từ “A number of + N (số nhiều) + V (chia số nhiều). Từ đó, ta loại B, C

- Do “die” là nội động từ nên không có dạng bị động nên ta loại D

- Sheep (n): con cừu (vừa là danh từ số ít vừa là danh từ số nhiều)

Dịch: Nhiều con cừu đã chết vì bệnh lạ.

Question 20: Half of the letters she sent him _____ in purple ink.

A. wrote

B. has written

C. was written

D. were written

Đáp án D

Half + N (số nhiều) thì V (chia số nhiều) vì cấu trúc: “**Half of + N + V(chia theo N)**”

Dịch nghĩa: Một nửa số lá thư cô ấy gửi cho anh ấy đã được viết bằng mực tím.

Question 21: Either Laura or her husband _____ breakfast each morning.

A. make

B. is making

C. makes

D. made

Đáp án C

=> Trong câu khi hai danh từ nối với nhau bằng cấu trúc “either ... or” thì động từ chia theo chủ ngữ hai.

Chủ ngữ hai là “her husband” nên động từ chia số ít.

Dịch nghĩa: Hoặc Laura hoặc chồng cô ấy làm bữa sáng.

Question 22: The army _____ eliminated this section of the training test.

A. has

B. is having

C. are

D. have

Đáp án D

- Căn cứ vào danh từ **army** (quân đội) là danh từ chỉ tập hợp nên động từ chia ở dạng số nhiều. Ta loại phương án A và B. Đây là một quy tắc cần ghi nhớ trong sự hòa hợp giữa chủ ngữ và động từ. Ta hiểu rằng “quân đội” ở đây ám chỉ những người/cán bộ trong quân đội nên nó sẽ mang tính chất số nhiều -> động từ chia số nhiều.

- Căn cứ vào nghĩa của câu: Quân đội đã loại bỏ phần này trong bài kiểm tra huấn luyện.

=> Câu mang nghĩa chủ động nên ta loại phương án C.

Question 23: What he told you _____ to be of no importance.

A. seems

B. seem

C. must seem

D. have seemed

Đáp án A

*Theo cấu trúc mệnh đề danh từ: **That/wh_...+ S + V1(chia theo S) + V(chính, luôn chia ở dạng số ít)+.....**

=> Do đó, động từ cần chia chỉ có thể là A hoặc C. Xét nghĩa ta chọn A

Dịch: Điều anh ta đã nói với bạn dường như là không quan trọng

Question 24: Psychologists have found that the number of social contacts we have _____ only reason for loneliness.

A. are not the

B. is not the

C. are not an

D. is not an

Đáp án B

- Cụm danh từ “The number of” + N (số nhiều) thì V (chia số ít): số lượng cái gì....

- Ta dùng cụm từ: “the only + N: cái gì duy nhất”, do đó chọn B

Dịch nghĩa: Những nhà tâm lý học đã phát hiện ra rằng số lượng những mối quan hệ xã hội mà chúng ta có không phải là lí do duy nhất cho sự cô đơn.

Question 25: The flock of birds _____ circling overhead.

A. gets

B. are

C. is

D. get

Đáp án C

Khi hai danh từ nối với nhau bằng “of” thì động từ chia theo chủ ngữ thứ nhất.

Chủ ngữ một là “the flock”-bầy/đàn như một thể thống nhất, không phải riêng biệt dù chúng bao gồm nhiều con trong đó, nên động từ chia số ít.

Dịch nghĩa: Đàn chim đang bay vòng tròn trên bầu trời.

Question 26: The use of credit cards in place of cash _____ increased rapidly in recently years.

A. have been

B. has been

C. has

D. have

Đáp án C

* Căn cứ: Khi hai danh từ nối với nhau bằng “of” thì động từ chia theo chủ ngữ thứ nhất.

* Chủ ngữ một là “the use” là số ít, ở đây đơn thuần mang nghĩa chủ động vì “việc sử dụng đó” tự nó tăng lên do nhu cầu sử dụng nhiều của con người chứ không phải con người cố ý làm cho nó tăng lên

* **Dịch nghĩa:** Việc sử dụng những chiếc thẻ tín dụng thay thế tiền mặt đã tăng lên nhanh chóng trong những năm gần đây.

Question 27: The fact that the new staff members were complimented on their achievement _____ known to the whole company.

A. has

B. have

C. was

D. are

Đáp án C

Trong mệnh đề quan hệ động từ chia theo danh từ ở mệnh đề chính là “the fact”. Vì câu đã có mệnh đề quan hệ “that the new....their achievement” nên vị trí còn thiếu phải là động từ chính của câu.

=> Danh từ “the fact” nên động từ chia số ít. Động từ cần chia bị động “được biết đến” nên còn thiếu

“tobe” -> chia “was”

Dịch nghĩa: Thực tế rằng việc toàn thể nhân viên mới đã được khen ngợi vì thành tích của họ đã được biết đến trong toàn bộ công ty.

Question 28: If nobody _____ bought that car from the dealer, then you should return and make another offer.

- A. have B. will have C. had D. has

Đáp án D

=> Key: **D. has**

=> Vì: khi chủ ngữ là đại từ bất định như **nobody** thì động từ chia số ít và không dùng thì tương lai trong mệnh đề **If**

=> **Dịch:** Nếu không có ai mua chiếc xe đó từ đại lý, thì bạn nên quay lại và đưa ra một đề nghị khác.

Question 29: Massachusetts and Connecticut _____ located in New England.

- A. was B. were C. is D. are

Đáp án D

=> Vì: chủ ngữ là số nhiều và diễn tả sự thật hiển nhiên

=> **Dịch:** Massachusetts and Connecticut nằm ở New England

Question 30: Everything _____ bright and clean.

- A. looking B. to look C. looks D. is looking

Đáp án C

Vì đại từ bất định “everything” đi với động từ số ít. Loại đáp án D vì động từ tri giác “look” khi mang nghĩa “trông ra làm sao” thì nó không bao giờ dùng ở dạng tiếp diễn.

Dịch: Mọi thứ trông sáng sủa và sạch sẽ.

Question 31: Much homework _____ given to students every day.

- A. are B. is C. were D. was

Đáp án B

=> Vì: Homework là danh từ không đếm được. Ta dùng: Much + N(không đếm được) + V(số ít): nhiều cái gì. Hơn nữa, có everyday nên ta chia thì hiện tại đơn

=> **Dịch:** Nhiều bài tập về nhà được giao cho học sinh mỗi ngày

Question 32: The facilities at the new research library, including an excellent microfilm file, _____ wonderful.

- A. are B. is C. has been D. was

Đáp án A

=> Vì: động từ chia theo chủ ngữ “facilities”, là danh từ số nhiều => động từ ở dạng số nhiều

=> **Dịch:** Cơ sở vật chất tại thư viện nghiên cứu mới, bao gồm một tập vi phim thì tuyệt vời

Question 33: The police _____ making enquiries about the murder.

- A. are B. is C. was D. be

Đáp án A

=> Vì: Police là danh từ tập hợp => động từ chia ở dạng số nhiều

=> **Dịch:** Cảnh sát đang đặt ra câu hỏi về vụ giết người

Question 34: To do such a hard work _____ so many people.

- A. need B. needing C. to need D. needs

Đáp án D

=> Key: D. needs

=> Vì: khi chủ ngữ là cụm To + V thì động từ theo sau phải chia ở dạng số ít

=> Dịch: Để thực hiện một công việc khó cần rất nhiều người

Question 35: The methods for studying the world _____ been developed slowly through the work of many people.

A. have

B. having

C. has

D. to have

Đáp án A

=> Vì: Chủ ngữ là "The methods for studying the world" => Danh từ số nhiều => động từ chia ở dạng số nhiều

=> Dịch: Các phương pháp nghiên cứu thế giới được phát triển chậm thông qua công việc của nhiều người.

Question 36: The regulations governing animal research _____ many provisions to safeguard animal welfare.

A. contains

B. contain

C. have been contained

D. is containing

Đáp án B

=> Key: B. contain

=> Vì: câu mang nghĩa là một sự thật hiển nhiên, chia hiện tại đơn; với chủ ngữ là "The regulations governing animal research", danh từ số nhiều => động từ chia số nhiều

=> **Dịch:** Các quy định quản lý nghiên cứu động vật bao gồm nhiều quy định để bảo vệ sức khỏe động vật.

Question 37: Thanks to the recent anti-smoking campaign, the number of smokers in the country _____.

A. has reduced

B. reduce

C. to reduce

D. having reduced

Đáp án A

Vì: the number of + N + V chia số ít: số lượng ai/cái gì....

=> Dịch: Nhờ chiến dịch chống hút thuốc gần đây, số người hút thuốc trong nước đã giảm

Question 38: Each of the 4 types of human _____ suited for a specific purpose.

A. tooth are

B. teeth is

C. tooth is

D. teeth are

Đáp án B

=> Vì: rằng người là số nhiều => dùng teeth, nguyên tắc each of + N số nhiều + V số ít => chọn teeth is

=> Dịch: Mỗi loại trong số 4 loại răng của con người đều phù hợp cho một mục đích cụ thể

Question 39: There _____ shops on either side of the street many years ago.

A. were

B. was

C. is

D. are

Đáp án A

=> Key: A. were

=> Vì: khi câu bắt đầu bằng There thì động từ chia theo danh từ phía sau, ở đây shops là danh từ số nhiều => động từ ở dạng số nhiều, có dấu hiệu nhận biết củ thì quá khứ đơn ago => were

=> Dịch: Đã từng có nhiều cửa hàng ở hai bên đường nhiều năm trước

Question 40: Neither of my parents _____ my boyfriend.

A. like

B. likes

C. liked

D. has liked

Đáp án B

Neither + of + danh từ/ đại từ số nhiều + V(số ít)

Dịch nghĩa: Cả hai bố mẹ tôi đều không thích bạn trai tôi.

Question 41: The teams _____ ends at half-time so that neither side has an unfair advantage.

A. has changed

B. change

C. changes

D. had changed

Đáp án B

=> Key: B. change

=> Vì: động từ sau teams chia ở dạng số nhiều và ở đây là thì hiện tại đơn => change

=> Dịch: Các đội thay đổi kết thúc ở một nửa thời gian để không bên nào có lợi thế không công bằng.

Question 42: Physics _____ my favorite subject when I was at high school.

A. is

B. are

C. was

D. were

Đáp án C

Physics (môn vật lý) mặc dù tận cùng bằng -s nhưng chỉ tên một môn học -> danh từ số ít.

Do đó, động từ cần chia ở dạng số ít. Ta loại phương án B và D.

Dịch nghĩa: Môn vật lý là môn học yêu thích của tôi khi còn học phổ thông.

=> Do có mệnh đề trạng ngữ chỉ thời gian (when I was at high school) nên động từ trong mệnh đề chính chia thì quá khứ đơn.

Question 43: The unemployed _____ to live on the unemployment benefits.

A. has

B. have

C. had

D. are

Đáp án B

Vì: - The unemployed (những người thất nghiệp) + động từ ở dạng số nhiều

- Ở đây diễn tả sự việc diễn ra thường xuyên => hiện tại đơn

***Note:** "The + adj": chỉ tập thể những người có đặc điểm, tính chất adj đó.

=> Dịch: Những người thất nghiệp phải sống dựa vào khoản trợ cấp thất nghiệp.

Question 44: Why he was absent from the class yesterday _____ unknown.

A. is

B. are

C. have been

D. were

Đáp án A

- **Căn cứ:** chủ ngữ là mệnh đề danh từ: "why + S + V" => Động từ "to be" chia số ít => chia "is".

- **Dịch nghĩa:** Việc tại sao anh ấy vắng mặt ở lớp ngày hôm qua thì không được biết đến.

Question 45: "I'm poor! Nobody _____ me." "I know a person who _____ you. It's me."

A. love/likes

B. loves/like

C. loves/likes

D. love/like

Đáp án C

=> Key: C. loves/likes

=> Vì: chỗ trống đầu tiên: động từ sau Nobody phải chia ở dạng số ít, chỗ trống thứ 2 thì động từ có chủ ngữ là a person => chia ở dạng số ít

=> Dịch: "Tôi rất đáng thương. Không ai yêu thích tôi cả". "Tôi biết một người thích bạn. Đó là tôi"

Question 46: The furniture he has in his bedroom _____ a bed and a table.

A. is

B. are

C. has been

D. have been

Đáp án A

=> Key: A. is

=> Vì: **Furniture** là danh từ không đếm được => động từ chia ở dạng số ít, câu này ở hiện tại đơn => is

=> Dịch: Nội thất anh ta có trong phòng ngủ của anh ta là một cái giường và một cái bàn.

Question 47: Learning English to find a better job _____ my aim in the next time.

A. is

B. are

C. will be

D. has been

Đáp án A

=> Key: A. is

=> Vì: chủ ngữ là learning english => chia động từ số ít, do đang diễn tả mục đích hiện tại => hiện tại đơn

=> Dịch: Việc học tiếng anh để tìm một công việc tốt hơn là mục tiêu của tôi trong thời gian tới.

Question 48: Can I borrow your dictionary for a moment? Mine _____.

A. have been left

B. has been left

C. was left

D. were left

Đáp án B

=> Key: B. has been left

=> Vì: **Mine** là cái của tôi => danh từ số ít => động từ chia số ít, mà ở đây diễn tả việc bỏ quên từ điển ở 1 thời điểm không xác định trong quá khứ => dùng thì hiện tại hoàn thành

=> Dịch: Tôi có thể mượn từ điển của bạn một lúc không? Quyền của tôi đã bị để quên rồi.

Question 49: According to the announcement, only 30% of the applicants _____ selected for the next interview.

A. are

B. is

C. was

D. been

Đáp án A

=> Key: A. are

=> Vì: chủ ngữ là 30% => dựa vào danh từ sau **of** để chia, **applicants** là danh từ số nhiều => động từ chia ở dạng số nhiều

=> Dịch: Theo thông báo, chỉ có 30% số người nộp đơn được chọn cho cuộc phỏng vấn tiếp theo

Question 50: The development of popular music through the ages _____ by the documentary.

A. was traced

B. were traced

C. have been traced

D. are traced

Đáp án A

Trong câu khi hai danh từ nối với nhau bằng "of" thì động từ chia theo danh từ thứ nhất.

Danh từ "the development" nên động từ chia số ít.

Dịch nghĩa: Sự phát triển phổ biến của âm nhạc qua nhiều năm đã được đánh dấu bằng phim tài liệu.

Question 51: "Romeo and Juliet" _____ a tragedy written by William Shakespeare.

A. are

B. was

C. were

D. is

Đáp án D

Khi chủ ngữ là tựa đề của một bộ phim thì động từ chia số ít.

Chủ ngữ của câu là "Romeo and Juliet" -tên của một tác phẩm nghệ thuật, chứ không phải ám chỉ hai chủ thể riêng biệt của hành động.

=> Đó là một sự thật hiển nhiên, chia hiện tại đơn

Dịch nghĩa: "Romeo và Juliet" là một vở bi kịch được viết bởi William Shakespeare.